

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v chị Nguyễn Kiều T ly hôn anh

Trần Thanh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kiều T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Kiều T trình bày:

Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn ngày 08/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho vợ con, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, ma túy đá chị và gia đình cũng khuyên ngăn nhiều nhưng anh không thay đổi, khi chơi bởi về anh T còn đánh chị nhiều lần, xúc phạm chị và gia đình chị. Đến tháng 11 năm 2016 vợ chồng sống ly thân nhau. Chị xác định không còn tình cảm và đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Duy Anh, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Trần Thị Hoài An, sinh ngày 26/02/2015. Vợ chồng ly hôn nguyên vọng của chị xin nuôi một cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án

hòa giải chị thay đổi quan điểm đề nghị xin nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập làm việc và tiến hành kiểm tra chứng cứ hòa giải anh Trần Thanh T đều vắng mặt không có lý do, có đại diện gia đình bà Cao Thị Hạnh, sinh năm 1964 (mẹ đẻ anh T) trình bày: Năm 2011 anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Kiều T được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng sống chung được 1 năm thì có trục trặc, ly thân rồi lại về sống chung với nhau, chính thức đến năm 2017 thì vợ chồng không sống với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, dù hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhưng không có kết quả; về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Cháu Trần Duy Anh, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Trần Thị Hoài An, sinh ngày 26/02/2015. Hiện nay cháu Anh đang ở với bố và ông bà nội, còn cháu An ở với mẹ; về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có và không yêu cầu tòa án giải quyết; Nay chị T xin ly hôn, phía gia đình anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung vợ chồng mỗi người nuôi một con chung; Bà Hạnh nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ có trách nhiệm giao tận tay trong ngày cho anh T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều T có đơn xin xử vắng mặt, trong đơn chị vẫn giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết ly hôn như đã trình bày tại Tòa án.

Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt văn đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao 01 con chung cho chị T và 01 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Kiều T có đơn ly hôn đối với anh Trần Thanh T. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28

Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh T cư trú tại Thôn Đồi Dừng, xã An Phú, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2 *Về trình tự tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 *Xét quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Kiều T và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2011 tại UBND xã An Phú, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Chị T trình bày nguyên nhân vợ chồng không có hạnh phúc là do anh T không có trách nhiệm gia đình, chơi lô đề, cờ bạc, đánh đập chị, chị và gia đình hai bên gia đình cũng khuyên ngăn nhiều nhưng không có kết quả, giữa anh chị đã ly thân từ năm 2016 vợ chồng không còn chung sống, quan tâm gì đến nhau, chị xác định không còn tình cảm gì và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về phía bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, tiến hành hòa giải hai lần nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã An Phú về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản công nợ chung của vợ chồng. Đại diện chính quyền xã cho biết: Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú, vợ chồng có hai con chung; về mâu thuẫn vợ chồng có mâu thuẫn, anh chị cũng đã sống ly thân nhau. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, Tòa án cũng lấy ý kiến của gia đình bị đơn mẹ anh T và bà xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, trực tiếp hiện không còn chung sống với nhau, ly thân từ năm 2017 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng là có thật, đời sống hôn nhân thực tế không có và đã kéo dài từ năm 2016 đến nay. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không có, vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kiều T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Duy Anh, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Trần Thị Hoài An, sinh ngày 26/02/2015, chị T đề nghị để chị nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cố tình không hợp tác làm việc nên không trình bày ý kiến về việc nuôi con. Bản thân chị T trình bày có chỗ ở ổn định, có công việc và thu nhập đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Ngoài ra thì cháu Trần Duy Anh cũng có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tuy nhiên, hiện tại cháu Anh đang ở với bố và bà nội và có cuộc sống ổn định. Xét

nhu cầu thực tế cũng như để đảm bảo điều kiện phát triển cho các con chung nên cần thiết giao cháu Anh cho anh T và cháu An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. *Về tài sản, công nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét

2.4 *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều T

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Kiều T được ly hôn với anh Trần Thanh T

3. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Duy Anh, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Trần Thị Hoài An, sinh ngày 26/02/2015. Sau ly hôn giao cháu Anh cho anh T và cháu An cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và tạm hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi bên cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Kiều T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002964 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Tuấn